

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/DS-ST

Ngày 19 – 6 – 2024

V/v tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang

2. Ông Đào Việt Khái

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông Võ Việt Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02, Láng H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Kiều O - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Phú Tân theo Quyết định về việc ủy quyền số: 14/QĐ-NHN_oPT ngày 16/01/2024 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1962 (đã chết ngày 04/6/2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng P, chị Nguyễn Kim X và chị Nguyễn Hồng P1 – là vợ, con của ông Nguyễn Hữu T; Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng. Vào ngày 16/12/2021, ông bà ký kết hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số: 7508-LAV-202104125 với Ngân hàng N chi nhánh huyện Phú Tân vay số tiền 204.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà, lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn, thời hạn vay là 24 tháng. Khi vay, ông bà có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại khóm 5, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 720894 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp cho ông Nguyễn Hữu T vào ngày 21/8/2015 (chỉnh lý ngày 24/5/2018, 25/6/2018), việc thế chấp có làm hợp đồng được chứng thực ngày 07/12/2020 và đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Tân. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T cùng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng. Đến ngày 04/6/2022, ông T đã chết nhưng khoản nợ trên đến nay vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng nên tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà N cùng anh P, chị X và chị P1 có trách nhiệm trả một lần cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 204.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vay cho đến ngày 19/6/2024 là 68.096.707 đồng. Tổng các khoản, Ngân hàng yêu cầu là 272.096.707 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền trên. Đồng thời, yêu cầu bà N cùng anh P, chị X và chị P1 giao tài sản thế chấp xử lý phát mại để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi ý kiến vào ngày 01/4/2024, bà Nguyễn Thị N (bị đơn) trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu T là vợ chồng, chung sống với nhau có 03 người con gồm Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Kim X và Nguyễn Hồng P1. Vào năm 2021, vợ chồng bà có vay của Ngân hàng N chi nhánh huyện Phú Tân số tiền 204.000.000 đồng để sửa chữa nhà, việc vay có làm hợp đồng. Khi vay, vợ chồng bà có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 720894 với diện tích 133,5m² tọa lạc tại khóm 5, thị trấn C, huyện Phú Tân do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 21/8/2015 đứng tên ông Nguyễn Hữu T, việc thế chấp có ký hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn C và có đăng

ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Tân vào ngày 10/12/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay đến ngày 04/6/2024, ông T chết không để lại di chúc nên khoản nợ trên đến nay vẫn chưa trả được cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn vay là 204.000.000 đồng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng thì bà cũng đồng ý trả và nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu các con cùng có trách nhiệm trả nợ với bà bởi các con của bà hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn, phải đi làm thuê xứ xa kiếm sống và tài sản vợ chồng bà chỉ tọa lạc được là nhà, đất tọa lạc tại khóm 5, thị trấn C đang thế chấp tại Ngân hàng, hiện tài sản này vẫn chưa chia thừa kế cho ai. Ngoài ra, vợ chồng bà không còn tài sản nào khác. Đồng thời, bà yêu cầu phía Ngân hàng chậm lại một thời gian để bà bán nhà, đất trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, dù đã triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N, anh Nguyễn Hoàng P, chị Nguyễn Kim X và chị Nguyễn Hồng P1 vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị N cùng anh Nguyễn Hoàng P, chị Nguyễn Kim X, chị Nguyễn Hồng P1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc yêu cầu bà N cung cấp bản sao giấy chứng tử của ông Nguyễn Hữu T cùng tờ khai tông chi đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa đương sự vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu trên cho Tòa án nên căn cứ vào lời khai của bà N xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông T chỉ gồm: Bà N, anh P, chị X và chị P1, không còn ai khác để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là có cơ sở.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị N trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà, thể hiện: Việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 204.000.000.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu đồng), lãi tính đến ngày 19/6/2024 với số tiền 68.096.707 đồng là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán nợ, ông T chết không để lại di chúc và các đồng thừa kế chưa thực hiện việc chia thừa kế, chưa thực hiện thủ tục cử người quản lý di sản do người chết để lại nhưng di sản trên nằm trong khối tài sản chung của bà N, ông T và bà N đang quản lý tài sản chung này từ trước đến nay nên mặc nhiên, bà N được xác định là người quản lý phần di sản do ông T chết để lại.

Theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên thể hiện khoản nợ trên bà N và ông T cùng đứng vay, nên bà N có nghĩa vụ trả 50% trên tổng số nợ và ông T là người có nghĩa vụ trả 50% còn lại nhưng do các đồng thừa kế không yêu cầu chia thừa kế và bà N là người quản lý phần di sản của ông T trong khối tài sản chung, hiện bà N cũng không có khả năng thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, được chấp nhận. Do đó, khi giao tài sản đang quản lý cho Ngân hàng phát mại, số tiền phát mại được trong đó có 50% là di sản của ông T sẽ được dùng để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, không cần phải buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T cùng liên đới trả nợ mà buộc bà N vừa là người có nghĩa vụ, vừa là người quản lý di sản của người chết để lại thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 06A.20.CĐV.0170/HĐTC ngày 01/12/2020 (được chứng thực ngày 07/12/2020) giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện Phú Tân với ông Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khoản nợ vay được ký kết giữa các đương sự có công chứng chứng thực, được đăng ký giao dịch bảo đảm và trước khi nhận thế chấp các tài sản theo ghi nhận tại hợp đồng thế chấp, nguyên đơn đã định giá, kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm nên việc thế chấp nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ, hiện tài sản thế chấp trong đó có phần di sản do ông T chết để lại chưa chia thừa kế nên buộc bà N cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T giao tài sản thế chấp cho

Ngân hàng phát mại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thu hồi nợ cho Ngân hàng khi bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ là phù hợp.

[3] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến xin nguyên đơn cho chậm trả thời gian để bán nhà và đất trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét.

[4] Về án phí, lẽ ra bị đơn phải chịu nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 301, 317, 318, 466, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N các khoản tính đến ngày 19/6/2024 với tổng số tiền là 272.096.707 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 204.000.000 đồng và nợ lãi là 68.096.707 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/6/2024, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N cùng anh Nguyễn Hoàng P, chị Nguyễn Hồng X và chị Nguyễn Hồng P1 (người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Hữu T) giao tài sản thế chấp trong đó có phần di sản của ông Nguyễn Hữu T1 chết để lại hiện

do bà N quản lý là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 720894 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp 21/8/2015 (được chỉnh lý ngày 24/5/2018, 25/6/2018) đứng tên Nguyễn Hữu T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 06A.20.CĐV.0170/HĐTC ngày 01/12/2020 (được chứng thực ngày 07/12/2020) để xử lý phát mại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thu hồi nợ cho Ngân hàng khi bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tiền án phí theo quy định, nên không phải chịu.

Ngân hàng N không phải nộp. Ngày 06/01/2024, Ngân hàng N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 6.435.000đ (sáu triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003209 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân